

Hình thức xử phạt quan lại dưới triều Gia Long và Minh Mệnh

Phạm Thị Thu Hiền¹

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội.
Email: hienptt.dhl@gmail.com

Nhận ngày 23 tháng 11 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 12 năm 2016.

Tóm tắt: Trong bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam nói chung và thời Gia Long, Minh Mệnh nói riêng, đội ngũ quan lại có vai trò quan trọng trong việc giúp vua “chăn dân”. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi công vụ, một số quan lại chưa làm tròn nghĩa vụ của mình, do đó phải gánh chịu những hình phạt như bãi chức, miễn chức, tịch thu tài sản... Những hình thức xử phạt trên phần nào đã giúp hai vị vua đầu triều Nguyễn quản lý có hiệu quả đội ngũ quan lại và đảm bảo nền hành chính được thông suốt.

Từ khóa: Công vụ, xử phạt, quan lại, Minh Mệnh, Gia Long.

Abstract: In Vietnamese feudal State apparatuses in general and those under the rule of Kings Gia Long and Minh Menh in particular, mandarins played an important role assisting the monarchs’ “rearing the people”. However, while performing the public service, some of them did not carry out well the duties of the King’s subjects and “people’s parents”, as they were called in line with the capacity of their positions. The mandarins thus had to bear sanctions and penalties such as dismissals or confiscation of assets... The sanctions somehow helped the two Kings manage their mandarins effectively and ensure the smooth performances of the administrative system.

Keywords: Public service, sanctions, mandarins, Minh Menh, Gia Long.

1. Mở đầu

Dưới thời quân chủ nói chung và thời Gia Long, Minh Mệnh nói riêng, quan liêu, tham nhũng, chiếm đoạt của công, những nhiễu nhân dân, suy thoái đạo đức... của quan lại diễn ra khá phổ biến. Điều này là mối họa lớn với dân, với nước; ảnh hưởng tới sự tồn vong của dân tộc. Nhận thức được điều đó, Gia Long và Minh Mệnh đã

thông qua các chính sách xử phạt quan lại. Bài viết phân tích các hình thức xử phạt quan lại vi phạm công vụ dưới triều vua Gia Long và Minh Mệnh.

2. Hình phạt ngũ hình

Ngũ hình là một trong hệ thống hình phạt kinh điển ra đời ở Trung Quốc², được các vương triều phong kiến Việt Nam kế thừa

và thể chế hóa vào trong pháp luật. Điều 1 của bộ *Hoàng Việt luật lệ* quy định về hình phạt ngũ hình bao gồm: xuy hình, trượng hình, đồ hình, lưu hình và tử hình.

Các nhà làm luật phong kiến đã căn cứ vào mức độ lỗi để xác định hình phạt ngũ hình đối với quan lại có hành vi vi phạm chế độ công vụ. Điều 60 *Hoàng Việt luật lệ* quy định: “Phạm phụng chế thư để thi hành mà cố tình vi phạm đánh 60 trượng. Thi hành chậm trễ chế thư 1 ngày đánh 50 roi, cứ chậm thêm 1 ngày tăng thêm một mức, tội chỉ đánh đến 100 roi thì thôi” [13]. Điều 186 *Hoàng Việt luật lệ* quy định: “Phạm tướng soái phòng giữ biên giới bị giặc bao vây đánh phá doanh trại, không tổ chức phòng giữ mà lại vội vàng bỏ chạy, hoặc thời bình mà không sắp đặt việc phòng giữ, bị giặc tập kích đánh úp, nhân đó mà bỏ chạy không phòng bị để đến nỗi bị mất thành trại thì xử tội trăm giam hậu” [13]. Trong cùng một lĩnh vực quản lí, *Hoàng Việt luật lệ* có xu hướng phân định mức độ áp dụng hình phạt đối với từng đối tượng vi phạm.

Bên cạnh đó, theo quy định của pháp luật nhà Nguyễn, hình phạt ngũ hình vừa là hình phạt độc lập vừa là hình phạt đi kèm với các hình phạt khác. Điều 7 *Hoàng Việt luật lệ* quy định: “Phạm các quan văn, võ lớn nhỏ trong triều ngoài nội phạm công tội bị xử đánh 50 roi trừ 1 tháng lương, bị đánh 20 roi, 30 roi, mỗi loại tăng thêm 1 tháng lương; bị đánh 40, 50 roi mỗi loại tăng thêm 3 tháng lương” [11]. Điều 233 quy định: “Nếu 10 người giám thủ cùng lấy trộm 5 lạng bạc đều bị xử đánh 100 trượng... phạm tội 3 lần thì xem như thực phạm, xử giảo. Trên cánh tay đều thích 3 chữ “đạo quan ngân” [13].

Điều 1 *Hoàng Việt luật lệ* quy định³: “Phạm các vị tiền sĩ, cử nhân, cống sinh,

giám sinh và các quan có mũ và đai khi phạm phải tội nhẹ bị xử đánh roi, đánh trượng thì chiếu theo luật được nộp tiền chuộc” [13]. Điều này, một mặt, cho thấy, Gia Long và Minh Mệnh đều thể hiện thái độ kiên quyết trừng trị thật nặng đối với quan lại tham nhũng; mặt khác, cho phép quan lại vi phạm công vụ chuộc tiền khi mắc phải ngũ hình, vừa thể hiện tính giai cấp và nhân đạo của nhà nước phong kiến triều Nguyễn, vừa làm giàu quốc khố cho nhà nước.

Có thể nói, hình phạt ngũ hình mang tính chất cảnh cáo, răn đe đối với đối tượng có hành vi vi phạm. Hình phạt xuy, trượng làm cho người ta đau đớn thể xác hoặc để lại dấu vết trên cơ thể của con người. Hình phạt đồ và lưu bắt người có hành vi vi phạm phải lao động, xa quê hương bản quán, gắn liền với sự phát triển về kinh tế.

3. Hình phạt tiền

Trong *Hoàng Việt luật lệ*, hình phạt tiền áp dụng đối với mọi loại vi phạm pháp luật, trong đó có vi phạm chế độ công vụ.

Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn có cách thức áp dụng hình thức phạt tiền đối với hành vi vi phạm công vụ dựa trên lương bổng của quan lại. Điều 7 *Hoàng Việt luật lệ* quy định: “Phạm quan văn, võ lớn nhỏ trong triều ngoài nội phạm công tội bị xử đánh 10 roi trừ 1 tháng lương. Bị đánh 20 roi, 30 roi, mỗi loại tăng thêm 1 tháng lương; bị đánh 40 roi, 50 roi, mỗi loại tăng thêm 3 tháng lương; bị xử đánh 60 trượng thì trừ 1 năm lương; bị đánh 70 trượng thì hạ 1 bậc lương; 60 trượng hạ 2 bậc lương; 90 trượng hạ 3 bậc lương nhưng đều cho giữ chức; bị đánh 100 trượng thì hạ 4 bậc lương rồi điều đi nơi khác” [13]. Căn cứ vào mức phạt tiền đó, các điều khoản cụ thể

trong từng điều luật hay ghi chép trong chính sử cũng quy định rõ các hành vi, các lĩnh vực vi phạm.

Mức phạt ở bộ luật triều Nguyễn cao hơn thời Lê. Ở *Quốc triều hình luật*, mức phạt tối thiểu là dưới 1 tháng lương, mức phạt tối đa là 8 tháng lương. Theo *Hoàng Việt luật lệ*, mức phạt tối thiểu là 1 tháng lương và mức phạt tối đa là 1 năm lương. Điều đó cho thấy, cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội, sự tăng lên của lương bổng của quan lại dưới thời nhà Nguyễn đã quy định mức phạt tiền của nhà Nguyễn trong *Hoàng Việt luật lệ* cao hơn *Quốc triều hình luật*.

Số tiền phạt này sẽ được đem sung công. Năm 1802, Gia Long quy định: “Phàm quan xét xử nhận bừa bãi đơn kiện kêu vượt thì quan phủ bị phạt 1 con trâu, chiết thành tiền 5 quan, quan trấn phạt 2 con trâu, chiết thành tiền 10 quan đều nộp vào nhà nước” [10, tr.519].

Hình thức phạt tiền là chế tài đánh vào kinh tế của đối tượng thực thi công vụ hành chính. Gia Long và Minh Mệnh đã xử phạt quan lại vi phạm công vụ theo đúng nguyên tắc “quyền lợi tương xứng với nghĩa vụ”.

4. Các hình phạt khác

Thứ nhất là bãi chức là biện pháp cắt chức của quan lại, không cho họ tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đang làm (có thể đảm nhiệm công việc khác). Hình phạt bãi chức chỉ được đặt ra đối với quan lại khi vi phạm chế độ công vụ và có phẩm chất kém. Cách chức là biện pháp buộc người đang giữ một chức vụ nhất định phải thôi đảm nhiệm công việc. Có hai hình thức: cách lưu và cách nhiệm. Cách lưu là bị mất chức quan nhưng cho ở lại làm việc để thử thách. Cách

nhiệm là bị cách chức và phải rời nơi làm quan đến một nơi khác để làm việc. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, quan lại sau khi bị cách chức có thể phục chức theo quyết định của nhà vua nếu lấy công chuộc tội hoặc tu dưỡng đạo đức. Chính sử chép nhiều viên quan bị cách chức được Minh Mệnh cho khai phục như: Phạm Quang Quyền, Lưu Bá Tú, Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Đức Nhuận...

Năm 1827, Minh Mệnh đưa ra quy định: “Phàm nhân viên bị phạt bổng, người nào chết thì miễn không đòi nữa; hưu trí thì chia làm hai hạng: già ốm được về hưu thì không cứ tội công, tội tư đều được miễn đòi, nếu bị bắt về hưu, hay bị tham hặc về tội công thì được miễn, về tội tư thì đòi; bị cách chức cũng chia làm hai hạng: phạm tham tang vạ sai pháp luật và lầm lẫn hỏng việc quân cơ mà bị cách thì phải đền đủ mới thôi; vì việc công mà lầm lẫn thì đợi khi nào phục chức thì chiết trừ; sau khi cách chức mới phát ra án mà án phải phạt bổng thì cũng như thế; đến như cách lưu thì chưa vào sổ, đợi sau khi phục chức thì trừ; bỏ chức trốn đi thì theo nguyên quán tra thu; phải giải chức đợi xét thì đợi khi xét xong được bổ làm quan sẽ trừ, bị cách bãi thì theo tội công hay tư mà phân biệt đòi hay tha; cáo tang, cáo nghỉ, cáo bệnh, đều đợi đến ngày cung chức sẽ trừ; các tôn nhân bị phạt bổng cùng nhân viên bị trừ bổng⁴, đình bổng, đình lăm⁵, có việc giống như thế thì cũng chiếu theo lệ này mà làm” [10, tr.587]. Đặc biệt, *Hoàng Việt luật lệ* quy định: những viên quan bị xử tội cách chức vì tham lam của cải, để mất thành trì thì không cho phép nộp tiền chuộc tội danh, tất cả phẩm hàm được phong tặng đều bị truy thu (Điều 13 *Hoàng Việt luật lệ*) và gặp dịp ân xá thường kì cũng không được tha bổng (Điều 15 *Hoàng Việt luật lệ*).

Thứ hai là tịch thu tài sản và bồi thường tang vật. Đây là biện pháp khắc phục hậu quả bằng vật chất của quan lại vì hành vi tham nhũng gây ra đối với nhà nước và nhân dân. Hình phạt này có thể đi kèm với các hình phạt khác như ngũ hình và cách chức.

Trong các vụ án quan lại gánh chịu trách nhiệm bồi thường tang vật, một số quan chức được khoan giảm (theo diện bát nghị), được miễn một phần mức bồi thường hoặc khi đã chết thì vẫn phải tiếp tục bồi thường. Theo quy định của pháp luật hiện đại, khi chủ thể gây thiệt hại chết sẽ chấm dứt việc bồi thường. Nhưng pháp luật thời Minh Mệnh nói riêng buộc gia đình quan chức vẫn phải tiếp tục lấy số gia sản còn lại để bồi hoàn cho đủ số. Hình phạt này vừa có tác dụng răn đe quan lại vi phạm vừa làm giàu quốc khố cho nhà nước, đồng thời nêu cao trách nhiệm của quan lại đối với nhà nước và dân.

5. Giá trị và hạn chế của hình thức xử phạt quan lại

Thứ nhất, bộ *Hoàng Việt luật lệ* đã giúp hai vị vua đầu triều Nguyễn quản lý đội ngũ quan lại một cách hiệu quả nhất. Hình phạt được quy định một cách cố định, tỉ mỉ (có thể dựa vào căn cứ hậu quả, nhân thân, địa vị, công cụ phạm tội, hình thức lỗi, tính chất quan hệ xã hội bị xâm phạm, thủ đoạn) trong hầu hết các điều khoản hoặc theo ý chỉ của nhà vua, do đó đảm bảo khách quan trong quá trình xét xử quan lại vi phạm. Tuy nhiên, điều này đã làm mất đi sự linh hoạt trong quá trình xử phạt quan lại vi phạm công vụ. Hiện nay, hình phạt trong các bộ luật quy định mang tính khái quát,

linh hoạt như trong *Bộ luật hình sự* quy định 2 khung hình phạt cho một loại tội, nhưng khoảng cách giữa hai khung hình phạt này quá lớn nên đôi khi không đảm bảo tính khách quan trong quá trình xét xử.

Thứ hai, khi có vụ việc xét thường phạt quan lại, Gia Long và Minh Mệnh thường suy nghĩ thấu đáo, hoặc cùng với hội đồng đình nghị bàn bạc. Chính sử chép: “Ngô Bá Thuần trước làm Bô chánh phạm tội làm mất thành trì nhưng trong giai đoạn quốc sự bẽ bộn rối ren, nhân viên khiếm khuyết nên trầm cho đương sự được lưu tại chức cũ với điều kiện cố gắng hơn nhưng lại tác oai tác phúc phạm tội tha tù phạm, tự tiện giết người, cưỡng bách hòa giải nên xử trảm giam hậu” [13]. Điều đó cho thấy, Gia Long và Minh Mệnh vừa cân nhắc kĩ lưỡng trước khi áp dụng hình phạt vừa nêu cao tinh thần tu thân đối với quan lại; đồng thời thể hiện quan điểm dùng đức để cai trị khiến bề tôi phải nể phục kính trọng.

Thứ ba, hình phạt tiền được quy định một cách tương đối cụ thể. Các nhà làm luật phong kiến áp dụng hình thức phạt tiền dựa trên thu nhập của cá nhân. So với *Quốc triều hình luật* thời Lê, mức phạt tiền thời nhà Nguyễn tăng lên. Như vậy, các nhà làm luật phong kiến đều xây dựng mức phạt tiền trên cơ sở sự biến đổi kinh tế xã hội và thu nhập thực tế của cá nhân và tổ chức. Điều này được kế thừa trong pháp luật hiện nay khi các nhà làm luật quy định mức và khung hình phạt tiền.

Thứ tư, hình phạt ngũ hình là hình thức xử phạt vi phạm công vụ đặc biệt chỉ xuất hiện trong pháp luật phong kiến. Trước xu thế đề cao quyền con người, hình phạt xuy, trượng, tử không còn phù hợp bởi tính dã man tàn bạo của nó; tuy nhiên hình phạt đồ, lưu có vai trò răn đe rất lớn và gắn liền với

sự phát triển kinh tế thời đó. Đặc biệt, cùng với việc áp dụng hình phạt này, nhà nước cho phép quan lại phạm tội được phép chuộc tội bằng tiền. Điều này thể hiện tính nhân đạo của nhà nước phong kiến Nguyễn cũng như làm giàu quốc khố cho nhà nước.

Thứ năm, khi các quan lại cùng nhau thi hành công vụ, khi mắc sai lầm không phân biệt là tòng phạm hay thủ phạm đều bị xử phạt hoặc sẽ liên đới cùng chịu trách nhiệm về việc mình làm. Điều 213 *Hoàng Việt luật lệ* quy định: “Quan lại để trạm bưu dịch hư hỏng, đồ vật không đầy đủ, lính bưu trạm thiếu, sai người già yếu thay thế thì người Bộ trưởng xử phạt 50 roi, các quan Hữu ty, Đề điều xử phạt 40 roi” [13]. Điều 233 *Hoàng Việt luật lệ* quy định: phạm người giám lâm, chủ thủ tự lấy trộm tiền bạc, lương thức, các đồ vật ở kho tàng, không phân biệt thủ phạm, tòng phạm tính gộp tang mà luận tội. Những quy định trên cho thấy, tầm quan trọng trong việc phối hợp của quan lại trong quá trình thực thi công vụ; đồng thời, cho thấy quan niệm về đồng phạm trong pháp luật hiện đại đã xuất hiện trong pháp luật phong kiến Việt Nam với 2 thuật ngữ: thủ phạm và tòng phạm.

6. Kết luận

Gia Long và Minh Mệnh đã áp dụng linh hoạt các biện pháp thưởng phạt quan lại. Những biện pháp xử phạt quan lại trên đã đảm bảo cho nền chính sự thông suốt từ 1802 đến năm 1840, đặt nền tảng cho các vị vua Nguyễn sau này trong việc quản lý quan lại. Mặc dù còn những hạn chế đương thời, nhưng các hình thức xử lý quan lại vi phạm công vụ của hai vị vua đầu triều

Nguyễn đã để lại những giá trị rất hữu ích có thể học hỏi trong công cuộc cải cách hành chính, cải cách công vụ hiện nay.

Chú thích

² Ngũ hình của Trung Quốc gồm 2 hệ thống ngũ hình. Ngũ hình thời cổ đại gồm 5 hình phạt: mặc, tì, phi, cung và đại tịch. Thời kì phong kiến, ngũ hình gồm 5 hình phạt: xuy, trượng, đồ, lưu và tử. Hệ thống ngũ hình thời phong kiến do nhà Tùy đặt ra và được hoàn thiện vào thời kì nhà Đường.

³ Thục hình: đây là hình phạt xử tội cho chuộc tiền có nguồn gốc từ cổ luật Trung Quốc.

⁴ Trú bổng: gửi bổng lại đó đợi xét xong án.

⁵ Đình lăm: bị đình chỉ không cấp lương ăn, như lương giám sinh 2.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Đại Doãn (1998), *Một số vấn đề về quan chế triều Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2] *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Thời đại, Hà Nội, 2011.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Vũ Kiệt (1998), *Văn hiến Kinh Bắc*, Sờ Văn hóa - Thông tin Bắc Ninh xuất bản, Bắc Ninh.
- [5] Nguyễn Hiến Lê (2006), *Không Tử*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [6] Vũ Văn Mẫu (1972), *Cổ luật Việt Nam thông khảo*, Trường Đại học Luật Sài Gòn, Sài Gòn.
- [7] Hàn Phi (2005), *Hàn Phi Tử*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [8] Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự 2015*.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn (2010), *Đại Nam thực lục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [11] Không Tử (1965), *Kinh thi*, Bộ Giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
- [12] Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- [13] Viện Sử học (2009), *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

